



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **68** /BC-UBND

Gia Lai, ngày **20** tháng **9** năm 2025

BÁO CÁO

**Công tác cải cách hành chính Quý III năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý III năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

- Ngay sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức hoạt động kể từ ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của 02 tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước đây); trên cơ sở đó, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025 (Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14/7/2025) bảo đảm đúng thời gian và đầy đủ các nội dung, lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025. Kế hoạch cải cách hành chính đảm bảo tính kế thừa, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành của 02 địa phương trước sáp nhập; đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Gia Lai (mới).

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên từng lĩnh vực, trong đó có một số Kế hoạch lớn, cụ thể như: Chương trình công tác trọng tâm các tháng cuối năm 2025 của UBND tỉnh trong năm 2025¹, Quyết định giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 đối với từng xã, phường trên địa bàn tỉnh²; Kế hoạch nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông³; họp nghe báo cáo và chỉ đạo các cơ quan liên quan giải quyết các vấn đề qua công tác kiểm

¹ Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh.

² Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 (đối với 58 xã, phường thuộc tỉnh Bình Định cũ) và Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 (đối với 77 xã, phường thuộc tỉnh Gia Lai cũ).

³ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh.

tra cải cách hành chính tại địa phương cấp xã⁴; đã quyết định thành lập “Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06”⁵ trên cơ sở kiện toàn, tổ chức lại “Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bình Định” và bổ sung nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động tại Quyết định số 11/QĐ-BCĐ ngày 28/7/2025. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh cũng đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện dự thảo, trình UBND tỉnh Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động 22-KH/TU của Tỉnh ủy.

- Trong thời gian đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do khối lượng công việc lớn và có nhiều thay đổi khi thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Do đó, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ, nâng cao năng lực thực thi công vụ cho địa phương cấp xã, cụ thể như: (i) Tổ chức các Đoàn công tác của Lãnh đạo tỉnh, Đoàn công tác của các cơ quan chuyên môn đi thăm, kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động của toàn bộ 135 xã, phường trên địa bàn tỉnh. Nội dung làm việc tập trung vào việc đánh giá kết quả và giải quyết vướng mắc, kiến nghị của địa phương về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức cấp xã; công tác tiếp nhận, sổ hóa, giải quyết hồ sơ TTHC (tập trung trên lĩnh vực đất đai, hộ tịch, chứng thực); việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.... (ii) Triển khai tăng cường công chức, viên chức cấp tỉnh về công tác tại các xã, phường để nắm bắt tình hình và hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết một số công việc cấp thiết ở cấp xã. UBND tỉnh đã quyết định thành lập 11 Tổ công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ⁶ tại các xã, phường; mỗi tổ gồm 10 – 20 công chức, viên chức từ các sở, ngành, trường cao đẳng, về công tác tại các xã, phường trong thời gian ít nhất từ 01 đến 02 tuần/xã, phường và có thể kéo dài hơn theo thực tế công việc. (iii) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức cấp xã theo tinh thần “cầm tay chỉ việc”, nội dung tập huấn bám sát chức năng nhiệm vụ và nhu cầu thực tế của địa phương; tài liệu tập huấn được sổ hóa, cập nhật vào Sổ tay điện tử phục vụ tra cứu, tham khảo (iv) Quan tâm bố trí nguồn lực sửa chữa trụ sở làm việc, trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của UBND và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

⁴ Thông báo số 189/TB-UBND ngày 29/8/2025 thông báo ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại cuộc họp nghe báo cáo công tác cải cách thủ tục hành chính.

⁵ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh.

⁶ Tổ công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực: khoa học và công nghệ, tư pháp, nông nghiệp và môi trường, xây dựng, y tế, công thương, tài chính, giáo dục và đào tạo, dân tộc và tôn giáo, nội vụ, văn hóa, thể thao và du lịch.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2025⁷. Theo đó, đề ra 34 nhiệm vụ trọng tâm trên 06 lĩnh vực cải cách hành chính. Kết quả, đến nay đã triển khai hoàn thành **19/34⁸ nhiệm vụ** đề ra đảm bảo đúng tiến độ, có sản phẩm công việc cụ thể (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2025⁹. Đối tượng kiểm tra theo Kế hoạch gồm: 43 UBND xã, phường và 02 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Nội dung kiểm tra tập trung vào tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên 07 lĩnh vực công tác cải cách hành chính. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo¹⁰ các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, gắn với kiểm tra tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, trong đó kiểm tra trước đối với các địa phương có số lượng hồ sơ tồn đọng tiếp nhận trước ngày 01/7/2025. Hoàn thành công tác kiểm tra trước ngày 20/10/2025. Đến nay, Văn phòng UBND tỉnh đã tiến hành kiểm tra tại 04 địa phương cấp xã theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính. Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra và thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025¹¹. Đến nay, Tổ kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại 08 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai đã thực hiện khoảng 30 tin, bài tuyên truyền liên quan đến công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06. Các nội dung tuyên truyền tập trung phản ánh những hoạt động, mô hình và giải pháp thiết thực, như: nỗ lực cải cách hành chính ngay từ cơ sở; phát huy tinh thần phục vụ nhân dân, nâng cao hiệu quả trong giải quyết thủ tục hành chính; sự chủ động của các xã vùng khó khăn trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân; xây dựng nền hành chính gần dân thông qua những việc làm cụ thể; tập trung giải quyết hồ sơ đất đai cho người dân; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số để rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Các tin, bài đã góp phần lan tỏa thông điệp tích cực, nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân và doanh nghiệp về vai trò, ý nghĩa của cải cách hành chính và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, các cơ quan chuyên môn của tỉnh cũng đã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thông qua nhiều

⁷ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh.

⁸ Giám 04 nhiệm vụ CCHC để thực hiện theo Quy định mới của Trung ương

⁹ Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh.

¹⁰ Tại Thông báo số 189/TB-UBND ngày 29/8/2025 thông báo ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại cuộc họp nghe báo cáo công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

¹¹ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 về việc thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức.

hình thức, cụ thể: Sở Tư pháp đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai thực hiện Tập chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống” trên sóng truyền hình Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai 05 tháng cuối năm 2025¹², triển khai giới thiệu Trang thông tin điện tử và các kênh thông tin chính thức về Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai¹³ nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật đến với toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh; góp phần, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh triển khai tuyên truyền về Cổng Zalo OA “Hành chính công tỉnh Gia Lai” để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính¹⁴...

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh 23 nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ. Kết quả, tỉnh đã chỉ đạo giải quyết hoàn thành và đúng thời gian quy định đối với 22/23 nhiệm vụ, còn 01 nhiệm vụ đang xử lý trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 21 VBQPPL (gồm: 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 18 Quyết định của UBND tỉnh). Sở Tư pháp đăng tải 20 VBQPPL¹⁵ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.

Nhìn chung, VBQPPL được xây dựng bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục ban hành VBQPPL theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật; VBQPPL ban hành đúng thẩm quyền; nội dung văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (THTHPL):

- Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác theo dõi tình hình thi hành VBQPPL tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh Bình Định và Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

¹² Kế hoạch phối hợp số 11/KHPH-STP-B&PTTH ngày 13/8/2025 của Sở Tư pháp và Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai.

¹³ Tại Công văn số 495/STP-NV2 ngày 15/8/2025 của Sở Tư pháp giới thiệu Trang thông tin điện tử và các kênh thông tin chính thức về Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

¹⁴ Công văn số 449/VPUBND-PVHCC ngày 15/9/2025 của Văn phòng UBND tỉnh đề nghị phối hợp tuyên truyền về Cổng Zalo OA “Hành chính công tỉnh Gia Lai” để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

¹⁵ HĐND tỉnh ban hành 01 nghị quyết dưới hình thức mật, do đó, Sở Tư pháp không đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Trong đó, triển khai hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thủy sản và lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Sở Tư pháp đã triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL đến các cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, thực hiện tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị xử lý VBQPPL theo quy định. Đến thời điểm báo cáo, đã tiếp nhận 10 phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống và 10/10 kiến nghị đã được các sở, ban, ngành của tỉnh hoàn thành việc xử lý đúng hạn theo quy định.

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL):

- UBND tỉnh đã ban hành 08 văn bản¹⁶, Sở Tư pháp ban hành 58 văn bản để triển khai thực hiện công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh và quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL; ban hành Kế hoạch và triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn tỉnh năm 2025; xây dựng Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân.

Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, tiếp tục triển khai các hoạt động truyền thông, phổ biến các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9; các văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp và một số vấn đề dư luận xã hội quan tâm; Thông cáo báo chí về văn bản QPPL do HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh ban hành trong tháng 7 năm 2025. Triển khai rà soát hiện trạng và xây dựng phương án hợp nhất hạ tầng kỹ thuật triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh. Phối hợp hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc cho chính quyền cấp xã trong triển khai thực hiện các văn bản về phân quyền, phân cấp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức các Hội nghị tập huấn tại tỉnh (nội dung: Hòa giải ở cơ sở; Công ước ICCPR và pháp luật Việt Nam về quyền dân sự, chính trị; Công ước CAT và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn).

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

¹⁶ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 23/7/2025 truyền thông, phổ biến các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9; các văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp và một số vấn đề dư luận xã hội quan tâm; Công văn số 1181/UBND-NC ngày 30/7/2025 tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 29/7/2025 hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025; Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 09/8/2025 đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi Thường trực HĐND tỉnh; Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 27/8/2025 dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi HĐND tỉnh; Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 29/8/2025 trình dự thảo Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân gửi Đảng ủy UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy; Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Gia Lai; Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh Gia Lai.

- Công tác kiểm tra VBQPPL: thực hiện tự kiểm tra đối với 18 Quyết định của UBND tỉnh; kiểm tra theo thẩm quyền đối với 37 VBQPPL của cấp xã.

- Công tác rà soát VBQPPL: các cơ quan cấp tỉnh đã thực hiện rà soát các VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước sắp xếp), cụ thể:

Tổng số VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh (Bình Định, Gia Lai) là **1.380** văn bản (gồm: **923** văn bản của tỉnh Bình Định; **457** văn bản của tỉnh Gia Lai). Trong đó: **483** Nghị quyết của HĐND tỉnh (**320** văn bản của HĐND tỉnh Bình Định; **163** văn bản của HĐND tỉnh Gia Lai); **897** Quyết định của UBND tỉnh (gồm: **603** văn bản của UBND tỉnh Bình Định; **294** văn bản của UBND tỉnh Gia Lai). Tính đến thời điểm báo cáo, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành văn bản thay thế, bãi bỏ 46 văn bản của tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (gồm: 03 nghị quyết của HĐND tỉnh; 43 quyết định của UBND tỉnh); ban hành nghị quyết, quyết định, văn bản hành chính quyết định tiếp tục áp dụng đối với 52 văn bản của tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai (gồm: 31 nghị quyết của HĐND tỉnh; 21 quyết định của UBND tỉnh).

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức rà soát những vướng mắc trong hệ thống pháp luật. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo số 22/BC-STP ngày 22/7/2025 gửi Bộ Tư pháp kiến nghị giải pháp tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật để bảo đảm thực hiện mục tiêu năm 2025 cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC

- Triển khai thực hiện Công điện số 127/CD-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ¹⁷, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành thuộc tỉnh rà soát, đề xuất phương án cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của đơn vị trên cơ sở kế thừa Phương án cắt giảm thời gian giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định trước đây¹⁸. Theo đó, UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ 235 TTHC thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai mới¹⁹.

Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 của tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước đây)²⁰, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 04 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa 11 TTHC (05 TTHC cắt giảm thành phần

¹⁷ Công điện số 127/CD-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung hoàn thành cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

¹⁸ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ).

¹⁹ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 10/09/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (mới).

²⁰ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (cũ).

hồ sơ, 06 TTHC cắt giảm thời gian)²¹. Theo đó, số tiền tiết kiệm được ước tính 890.557.784 đồng/năm. Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 2% đến 16%.

- UBND tỉnh đã ban hành 01 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa cắt giảm thời hạn giải quyết 07 TTHC nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Y tế²² với số tiền tiết kiệm được ước tính 357.190.420 đồng/năm, tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 13,9% đến 14,1%.

2.2. Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương:

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 2.188 TTHC; trong đó: có 1.859 TTHC cấp tỉnh, 414 TTHC cấp xã và 85 TTHC được thực hiện ở cả 02 cấp. 100% TTHC cấp tỉnh, cấp xã được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và đã hoàn thành việc xây dựng quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống phần mềm VNPT-iGate theo đúng quy định.

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 08 Quyết định²³ ủy quyền cho Thủ trưởng các sở, ngành giải quyết TTHC. Trên cơ sở đó, đã công bố danh mục 58 TTHC (bao gồm: 17 TTHC lĩnh vực Chăn nuôi và thú y, 01 TTHC lĩnh vực Dược phẩm; 04 TTHC lĩnh vực Văn hóa, 02 TTHC lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn; 05 TTHC lĩnh vực Môi trường; 29 TTHC lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật và cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi Giấy phép thăm dò nước dưới đất; tổ chức đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt, nước biển)

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Để hoạt động tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đảm bảo thông suốt, không bị gián đoạn khi bộ máy chính quyền mới của địa phương theo mô hình 02 cấp chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục 26 nhiệm vụ thực hiện kế hoạch chuyển đổi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định phục vụ mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sáp nhập tỉnh²⁴; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện ngay các công việc cấp bách để bảo đảm cho hoạt động tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được thông suốt, không bị gián đoạn khi chính quyền địa phương 02 cấp chính thức hoạt động²⁵; chỉ đạo xử lý số lượng hồ sơ TTHC chậm tiếp nhận trực tuyến và hồ sơ đang giải quyết quá hạn²⁶; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng “cò làm giấy tờ” tại Trung tâm Phục vụ hành

²¹ Các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

²² Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh;

²³ (i) Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; (ii) Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh và (iii) Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh; (iv) Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh; (v) Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh; (vi) Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; (vii) Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh, (viii) Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

²⁴ Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 04/06/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

²⁵ Công văn số 5073/UBND-CCKS ngày 12/06/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ).

²⁶ Công văn số 651/UBND-PVHCC ngày 19/07/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xử lý số lượng hồ sơ thủ tục hành chính chậm tiếp nhận trực tuyến và hồ sơ đang giải quyết quá hạn.

chính công các cấp; không yêu cầu người dân, tổ chức phải có ngay VNeID tại thời điểm nộp hồ sơ trực tiếp; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà, sách nhiễu, tự ý yêu cầu thêm giấy tờ, thủ tục ngoài quy định hoặc yêu cầu công dân cam kết về sự trùng khớp giữa thông tin địa bàn hành chính mới với thông tin cũ theo giấy tờ mà cơ quan nhà nước đã cấp....

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao năng lực của cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã²⁷. Trong đó, tập trung chỉ đạo rà soát, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; ban hành danh mục công việc mang tính cơ bản, định kỳ của cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; danh mục nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng chung cho cán bộ, công chức, viên chức UBND cấp xã liên quan đến các TTHC cơ bản, thiết yếu tại địa phương.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ công tác cải cách TTHC²⁸; triển khai hướng dẫn quy trình phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã²⁹, trong đó Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng và hướng dẫn các địa phương triển khai Ứng dụng “Kiosk lấy số thứ tự và đánh giá hài lòng” để hỗ trợ các địa phương triển khai lấy số thứ tự trực tuyến và đánh giá mức độ hài lòng đối với công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC.

- UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục 2.144 thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai³⁰ và Quyết định ban hành Quy tắc ứng xử của người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai³¹.

2.3. Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Theo số liệu thống kê trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Hệ thống VNPT-iGate) trong Quý III năm 2025:

- Tỷ lệ số hoá thành phần hồ sơ bình quân chung cả tỉnh đạt 97,60% (cấp tỉnh đạt 92,83%, cấp xã đạt 99,30%), vượt chỉ tiêu Chính phủ giao 80%.

- Tỷ lệ cấp kết quả điện tử bình quân chung cả tỉnh đạt 76,89% (cấp tỉnh đạt 33,51%, cấp xã đạt 91,09%), chưa đạt chỉ tiêu do Chính phủ giao (100%).

- Tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa bình quân chung cả tỉnh đạt 57,22% (vượt chỉ tiêu do Chính phủ giao (50%).

²⁷ Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh.

²⁸ Theo Kế hoạch số 415/KH-VPUBND ngày 09/9/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về bồi dưỡng, tập huấn nâng cao công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

²⁹ Tại Công văn số 161/VPUBND-PVHCC ngày 01/8/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

³⁰ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 12/09/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³¹ Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 13/09/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành hướng dẫn các cơ quan, địa phương rà soát, lập “Danh sách thành phần hồ sơ được tái sử dụng từ kết quả giải quyết của thủ tục hành chính khác trước đó” để phục vụ công tác tái sử dụng thông tin, dữ liệu được số hóa, phục vụ người dân, doanh nghiệp³² và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp để phục vụ công tác theo dõi kết quả thực hiện³³.

2.3. Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản³⁴ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh chấn chỉnh tình trạng chậm trễ trong giải quyết hồ sơ và trong công tác phối hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Kết quả từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 14/9/2025, toàn tỉnh tiếp nhận 284.361 hồ sơ; trong đó, đã giải quyết và trả kết quả 262.059 hồ sơ (255.442 hồ sơ trước hạn và đúng hạn, 6.617 hồ sơ trễ hạn), đang giải quyết 22.302 hồ sơ (trong hạn 18.173 hồ sơ và quá hạn 4.129 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn đạt 99,31%.

2.4. Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

- Đã tiếp nhận 751 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 602 phản ánh, kiến nghị đã xử lý, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và 149 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

- Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành văn bản³⁵ triển khai kênh tiếp nhận, giải đáp các khó khăn, vướng mắc của các địa phương về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh (tại địa chỉ: <https://baocao.hcc.io.vn>) để hỗ trợ, hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của UBND cấp xã trong việc giải quyết hồ sơ TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

UBND tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành Đề án số 05/ĐALT-UBND ngày 20/6/2025 về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh. Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, UBND tỉnh Gia Lai (mới) đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 thành lập 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Sau sắp xếp, trên

³² Công văn số 96/VPUBND-PVHCC ngày 19/7/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

³³ Công văn số 299/VPUBND-PVHCC ngày 20/08/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

³⁴ Công văn số 995/UBND-PVHCC ngày 26/07/2025, Công văn số 1105/UBND-PVHCC ngày 29/07/2025, Công văn số 2348/UBND-PVHCC ngày 21/08/2025; Công văn số 291/VPUBND-PVHCC ngày 19/8/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

³⁵ Công văn số 427/VPUBND-PVHCC ngày 10/09/2025

địa bàn tỉnh có 14 cơ quan chuyên môn³⁶, 01 tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh), 09 đơn vị sự nghiệp công lập³⁷ thuộc UBND tỉnh; 14 chi cục, 252 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và tương đương. Đồng thời, đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 14/14 cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, 05/09 đơn vị sự nghiệp công lập; 14/14 chi cục, 248/252 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và tương đương. UBND tỉnh đã ban hành 02 văn bản chỉ đạo về việc thành lập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã³⁸.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định tạm giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền của tỉnh Gia Lai và biên chế cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025³⁹, gồm: 8.482 biên chế công chức, 53.209 người làm việc, 113 biên chế cho các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; ban hành Quyết định điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc tạm giao cho các cơ quan, UBND cấp xã năm 2025⁴⁰.

Việc quản lý và sử dụng biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Các cơ quan, đơn vị được giao biên chế, số lượng người làm việc đã thực hiện tuyển dụng người vào làm việc theo đúng nhu cầu, vị trí việc làm, bảo đảm tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

3.3. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền

Sau 02 tháng triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, địa phương cơ bản đã ổn định tổ chức, sắp xếp, kiện toàn bộ máy và bước đầu đáp ứng yêu cầu đề ra. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã chủ động triển khai các nhiệm vụ đã được Chính phủ, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phân quyền, phân cấp cho địa phương thực hiện. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai để tiếp tục rà soát, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền hơn nữa tạo sự chủ động cho các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

³⁶ Gồm: 12 Sở được tổ chức thống nhất ở tỉnh: Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Thanh tra tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh và 02 Sở đặc thù được tổ chức ở tỉnh: Sở Ngoại vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo.

³⁷ Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trường Cao đẳng y tế tỉnh, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Trường Cao đẳng tỉnh, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

³⁸ Văn bản số 897/UBND-NC ngày 24/7/2025, Văn bản số 2995/UBND-NC ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh.

³⁹ Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 của UBND tỉnh.

⁴⁰ Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh.

Việc Chính phủ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đã tạo điều kiện cho tỉnh chủ động trong triển khai các công việc phát sinh trên địa bàn, giảm thời gian giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp. Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định: sau sáp nhập, số lượng và chất lượng đội ngũ công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã còn thiếu và yếu. Việc sắp xếp bố trí công chức từ các huyện xuống các xã và giữa các xã chưa đồng đều, nhất là các vị trí chủ chốt ở các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, dẫn đến một số xã còn lúng túng trong việc tiếp nhận, xử lý công việc; trong cùng một thời điểm, cấp xã vừa tiếp nhận nhiệm vụ của cấp huyện và cấp xã cũ vừa tiếp nhận thẩm quyền theo phân cấp từ các bộ, ngành và của cấp tỉnh. Nhiều đơn vị hành chính cấp xã không đủ nhân lực có chuyên môn sâu về lĩnh vực phụ trách như công nghệ thông tin, đất đai, tài chính kế toán.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Trong thời gian chờ các Bộ, ngành Trung ương ban hành quy định, hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu viên chức theo chức nghề nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành hướng dẫn tạm thời danh mục vị trí việc làm kèm theo bản mô tả nhiệm vụ và khung năng lực theo từng VTVL và định hướng bố trí nhân lực theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc HĐND và UBND ở cấp xã⁴¹. Theo đó, danh mục vị trí việc làm gồm 04 nhóm: VTVL lãnh đạo, quản lý (gồm 06 chức danh cán bộ cấp xã, 06 chức danh công chức lãnh đạo, quản lý); VTVL nghiệp vụ chuyên ngành (19 vị trí trên các lĩnh vực: tổng hợp công tác HĐND, tổng hợp công tác UBND, tư pháp, hộ tịch, tài chính – kế hoạch...); VTVL chuyên môn dùng chung (06 vị trí); VTVL hỗ trợ, phục vụ (03 vị trí).

4.2. Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển)

- Về tuyển dụng công chức: UBND tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành Kế hoạch số 791/KH-UBND ngày 05/4/2024 về việc tuyển dụng công chức vào làm việc ở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Gia Lai năm 2024. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, một số vị trí việc làm và chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng tại Kế hoạch tuyển không còn hoặc đã thay đổi. Do đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ rà soát tiêu chuẩn, điều kiện, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế của từng cơ quan, đơn vị dự kiến bố trí để xây dựng Phương án trúng tuyển, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

⁴¹ Văn bản số 416/SNV-TCBC ngày 24/7/2025 của Sở Nội vụ

- Về tuyển dụng viên chức: Từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện công tác tuyển dụng viên chức.

4.3. Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

Kể từ ngày 01/7/2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định bổ nhiệm 140 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý⁴²; quyết định giao 03 Phó Giám đốc Bệnh viện phụ trách 03 Bệnh viện trực thuộc Sở Y tế; đồng ý đề Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương quyết định bổ nhiệm đối với 13 Chi cục trưởng; cho chủ trương thực hiện quy trình nhân sự: Bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

4.4. Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

- Về thi nâng ngạch công chức: Hiện nay, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thì công chức không còn hình thức thi nâng ngạch, việc xếp ngạch công chức được thực hiện khi thay đổi vị trí việc làm.

- Về thăng hạng viên chức: Chưa thực hiện vì các cơ quan, đơn vị, địa phương đang chờ các bộ, ngành hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm để làm cơ sở triển khai thực hiện thăng hạng viên chức.

- Về thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Tỉnh Gia Lai chưa có chủ trương triển khai thực hiện việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

4.5. Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra và thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025⁴³. Đến nay, Tổ kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại 08 xã, phường trên địa bàn tỉnh. Theo kế hoạch từ nay đến hết năm 2025, Tổ kiểm tra sẽ tổ chức kiểm tra trực tiếp, đột xuất tối thiểu 20% các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4.6. Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

⁴² 14 Giám đốc Sở và tương đương, 84 Phó Giám đốc Sở và tương đương; 07 Giám đốc, 17 Phó Giám đốc và tương đương các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; 09 Giám đốc các Bệnh viện và Trung tâm Y tế Quy Nhơn; 03 Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai; 02 Phó Trưởng ban Ban Tiếp Công dân tỉnh, 04 Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh

⁴³ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 về việc thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức.

Xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã⁴⁴ nhằm mục tiêu trang bị cho CBCCVC cấp xã những kiến thức pháp lý cơ bản, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực trọng tâm như: tài chính, xây dựng, công thương, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa - thể thao và du lịch, nội vụ, văn phòng, tư pháp, thông kê, dân tộc và tôn giáo. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã trực tiếp nghe một số sở, ngành (các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh) báo cáo các nội dung đào tạo, bồi dưỡng thuộc nhiệm vụ của đơn vị. Trên cơ sở đó, các sở, ngành hoàn thiện nội dung, tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn theo tinh thần “cầm tay chỉ việc” cho CBCCVC cấp xã. Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã triển khai hướng dẫn các sở, ngành xây dựng kế hoạch; tiếp tục cập nhật, bổ sung, hoàn thiện tài liệu bồi dưỡng, tập huấn ngắn gọn, khoa học, cụ thể, sát với nhiệm vụ và nhu cầu của cán bộ, công chức, viên chức cấp xã để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đạt hiệu quả, đồng thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tiếp tục số hóa, cập nhật “Sổ tay điện tử đào tạo, bồi dưỡng”. Kết quả, các sở ngành đã tổ chức bồi dưỡng cho 6.276 lượt CBCCVC. Trong đó, bồi dưỡng trực tuyến cho 4.813 lượt CBCCVC, bồi dưỡng trực tiếp cho 1.453 lượt CBCCVC.

UBND tỉnh đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho 6.984 cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định (cũ). Hiện nay, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức khóa bồi dưỡng tại tỉnh theo Quyết định số 1143/QĐ-BKHCN ngày 04/6/2025 trong tháng 9/2025. Sau khi tham gia các khóa bồi dưỡng do Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai, tỉnh sẽ tiếp tục tổ chức các khóa bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng số cho cán bộ công chức, viên chức của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, tránh trùng lặp nội dung, đối tượng bồi dưỡng.

4.7. Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, địa phương:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh xem xét cho chủ trương xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai, thay thế Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Bình Định (cũ) quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025; cho chủ trương xây dựng chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ của tỉnh để thay thế Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh Bình Định (cũ) và Nghị quyết số 103/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND

⁴⁴ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/7/2025 và Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh.

tỉnh Gia Lai (cũ) nhằm thống nhất áp dụng một chính sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai mới, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026.

5. Về cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

- Thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước (tính đến 12/9/2025):

+ Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) thực hiện 18.984.969 triệu đồng, đạt 78,8% dự toán năm. Trong đó, thu nội địa thực hiện 18.571.037 triệu đồng, đạt 81,1% so dự toán năm. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thu nội địa thực hiện 9.645.696 triệu đồng, đạt 69,8% dự toán năm. Trong cơ cấu nguồn thu, có nhiều khoản thu thực hiện đạt khá so với dự toán năm như: thu từ DNNN địa phương vượt 74% dự toán; thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài vượt 13,7% dự toán; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 71,5% dự toán; thuế thu nhập cá nhân vượt 3,1% dự toán; thu tiền sử dụng đất đạt 98,5% dự toán;...

+ Tổng chi ngân sách địa phương là 25.169.224 triệu đồng, đạt 58,2% dự toán năm. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 9.373.046 triệu đồng, đạt 45,3% dự toán năm và chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 15.796.178 triệu đồng, đạt 70% dự toán năm. Trong đó, chi đầu tư phát triển thực hiện 4.804.619 triệu đồng, đạt 43,3% dự toán; chi thường xuyên thực hiện 18.544.810 triệu đồng, đạt 75,7% dự toán.

Việc thực hiện dự toán chi chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tiết kiệm, ngăn ngừa hành vi tham nhũng, lãng phí và điều hành chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trong khả năng cân đối nguồn thu của địa phương, đã bám sát theo dự toán được HĐND các cấp thông qua và cơ bản đáp ứng kịp thời các khoản chi được giao và cấp thiết khác.

- Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn năm 2025 (tính đến ngày 10/9/2025): 18.205.103 triệu đồng, đã thanh toán 8.647.106 triệu đồng, đạt 47,5% so với kế hoạch.

- Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 1181/STC-TCHCSN ngày 08/8/2025 hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh về các nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh nhằm triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2025 đạt hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5.2. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công và sử dụng máy móc, thiết bị, xe ô tô bảo đảm theo các quy định Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ

tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và các quy định hiện hành.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giao nhà, đất; xe ô tô; máy móc, thiết bị và tài sản khác của cơ quan, đơn vị cấp huyện đã chấm dứt hoạt động sang cho cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường mới sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đã xử lý 01 cơ sở nhà đất từ Ngân hàng Nhà nước chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; giao trụ sở làm việc cho các cơ quan Trung ương: Tòa án nhân dân tỉnh (01 trụ sở), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (03 trụ sở), Thống kê tỉnh (một phần trụ sở làm việc); cho các cơ quan Trung ương sử dụng tạm thời các trụ sở làm việc: Tòa án nhân dân tỉnh (02 trụ sở), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (01 trụ sở), Công an tỉnh (sử dụng toàn bộ 13 trụ sở và sử dụng một phần 09 trụ sở); quyết định điều chuyển trụ sở cũ của Trung tâm văn hóa tỉnh tại số 02 đường Phan Đình Phùng, phường Quy Nhơn sang Nhà Văn hóa Lao động tỉnh;... điều chuyển 07 xe ô tô, thanh lý 04 xe ô tô. Đang mời thầu rộng rãi qua mạng 01 gói thầu mua sắm tập trung xe ô tô cho các xã, phường với tổng giá trị dự toán là 17.444.500.000 đồng.

5.3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 267/267 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó: 12 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 23 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 121 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 111 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

6.1. Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 20/8/2025 triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 29/7/2025 về đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh; Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống phòng họp không giấy tỉnh Gia Lai⁴⁵; Quyết định thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai⁴⁶.

Ngày 09/9/2025, UBND tỉnh Gia Lai và Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông quân đội đã ký Thỏa thuận hợp tác về Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030.

6.2. Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng viễn thông, hạ tầng số được tăng cường đã phục vụ tốt công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh: Tỷ lệ phủ sóng di động, băng rộng di động đạt: 100% tại trung

⁴⁵ Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh.

⁴⁶ Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh.

tâm các xã, phường và 99,9% các thôn, làng⁴⁷. Hạ tầng viễn thông được chỉnh trang, đồng bộ hóa theo hướng ngầm hóa, tạo nền tảng phát triển 5G và IoT. Mạng 5G đã được doanh nghiệp viễn thông Viettel, VNPT, MobiFone triển khai 167 trạm tại trung tâm các xã, phường. Tại tỉnh, có 02 trạm cấp bờ của 02 tuyến cáp quang biển quốc tế.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đã được kết nối vào mạng TSLCD cấp I của Cục Bưu điện Trung ương, đảm bảo kết nối đến 100% các sở, ban, ngành và 135/135 xã, phường; cơ bản đáp ứng được nhu cầu liên thông, kết nối dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị địa phương khi triển khai chính quyền địa phương 02 cấp.

Tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đang sử dụng 02 kênh truyền do 02 Doanh nghiệp ISP cung cấp: VNPT (tốc độ đường truyền: 525 Mbps trong nước, 20 Mbps quốc tế); Viettel (tốc độ đường truyền: 130 Mbps trong nước, 5 Mbps quốc tế); Hoàn thành kết nối LGSP của tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và nền tảng VDXP của các bộ, ngành đảm bảo kết nối, trao đổi dữ liệu ổn định, an toàn và tuân thủ chuẩn kỹ thuật của Bộ Khoa học và Công nghệ. Hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối đến 147 điểm (tại 135/135 địa phương cấp xã, 12 điểm tại UBND tỉnh và sở, ngành).

6.3. Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

Các hệ thống nền tảng trong năm được duy trì, vận hành tốt phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước trên môi trường số, bao gồm: Nền tảng LGSP, Hệ thống họp giao ban trực tuyến 4 cấp, Hệ thống Văn phòng điện tử, Chữ ký số trên USB Token và SIM, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống Trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước, Hệ thống thông tin trên nền tảng mạng xã hội⁴⁸.

Đối với các cơ quan Đảng, hiện đang triển khai một số phần mềm đặc thù do Trung ương triển khai: Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp Lotus Notes, Phần mềm thông tin chuyên ngành về công tác Tổ chức xây dựng Đảng.

6.4. Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu

Triển khai và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai nền tảng Signet cho cán bộ công chức, viên chức trên toàn tỉnh; số lượng cài đặt 27.506 lượt, đạt tỷ lệ 71,5%. Triển khai

⁴⁷ Có 2.692/2.693 thôn, làng đã có sóng di động, băng rộng di động (còn 01 làng O2, xã Vĩnh Sơn chưa có di động); tỷ lệ hạ tầng mạng băng rộng cố định đạt: 100% tại trung tâm các xã, phường và 97,9% các thôn, làng. Có 2.637/2.693 thôn, làng đã có hạ tầng mạng băng rộng cố định (còn 56 thôn chưa có cố định). Công tác sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông, truyền hình được các doanh nghiệp quan tâm phối hợp thực hiện hằng năm. Các khu dân cư, đô thị mới đã được ngầm hóa hơn 80 km tuyến đường; các đường giao thông đã được ngầm hóa hơn 30 km tuyến đường. Công tác sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông, truyền hình đạt 536,552 km trên toàn tỉnh.

⁴⁸ Hệ thống văn phòng điện tử đã được triển khai tới 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia, hệ thống văn bản điện tử của khối các cơ quan Đảng để phục vụ gửi nhận văn bản điện tử 3 cấp giữa các cơ quan Đảng, chính quyền. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cấp hộp thư điện tử công vụ; Hệ thống phòng họp không giấy đã được triển khai sử dụng tại HĐND tỉnh và UBND tỉnh để phục vụ các cuộc họp, đảm bảo mục tiêu phục vụ tốt công tác triển khai cuộc họp nhanh chóng, tiết kiệm chi phí in ấn tài liệu, giúp hiện đại hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước.

hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội 02 cấp; ứng dụng “Thông tin cấp xã” tổng hợp các dữ liệu quan trọng về từng xã, phường trên địa bàn tỉnh. Dữ liệu, hệ thống của các ban, sở, ngành đã được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

6.5. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Tỉnh đã thực hiện ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực quan trọng như: Ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám, địa kỹ thuật và trí tuệ nhân tạo để khoanh vùng và cảnh báo tình trạng trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm tỉnh. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nhận diện và cảnh báo một số loại sâu, bệnh hại lúa trên địa bàn tỉnh. Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC). Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản bằng camera AI, AI chẩn đoán hình ảnh (CT, MRI, X-Quang). Ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý ngành văn hóa và thể thao như: Phần mềm quản lý thư viện ilib 8.0; tạo mã QR giới thiệu thông tin về các chương trình, sự kiện, lễ hội du lịch, về các Danh thắng, Di tích lịch sử của tỉnh; Hệ thống giám sát và phân tích thông tin trên Internet; phần mềm quản lý thông tin báo chí viết về tỉnh; công cụ Trợ lý ảo cho cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ban, ngành đã tập trung xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết hợp xây dựng Kho dữ liệu số. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành các hệ thống ưu tiên triển khai: Hệ thống thông tin quản lý đất đai; Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản; Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân được kết nối, liên thông từ các phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện (HIS), quản lý y tế cơ sở, tiêm chủng mở rộng và đã được liên thông với ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp vào VneID; Hệ thống phần mềm trạm y tế xã được kết nối liên thông dữ liệu phần mềm HIS với dữ liệu với tuyến huyện, tuyến tỉnh; Các hệ thống thông tin tài chính;... từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

6.6. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp

Đã hoàn thành liên thông dữ liệu kết quả Giấy chứng sinh, Giấy báo tử đối với 100% cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” trên địa bàn tỉnh (dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06). Hoàn thành việc liên thông dữ liệu kết quả Giấy khám sức khỏe lái xe đối với 100% cơ sở y tế có chức năng khám sức khỏe giấy phép lái xe trên địa bàn tỉnh phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Cấp đổi giấy phép lái xe”.

Các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh đã triển khai hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS); các đơn vị khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế đã triển khai số hóa bệnh án điện tử. 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) đã hoàn thiện Bệnh án điện tử, các cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ) sẽ hoàn thành trong tháng 9/2025. Triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đến 100%

trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Các ngân hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như VNPT, Viettel, Mobile đã tích cực phối hợp với Tổ CNCĐ để triển khai hướng dẫn cho người dân, các tiêu chuẩn cài đặt, sử dụng mô hình chợ 4.0.

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bưu điện tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức 11 lớp đào tạo, tập huấn hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử. Đến nay đã tập huấn kỹ năng số cho gần 590 hộ sản xuất nông nghiệp và Tổ Công nghệ số cộng đồng (riêng tỷ lệ Hộ SXNN là $576/706 = 81,6\%$); hỗ trợ đưa 570 sản phẩm lên sàn TMĐT postmart.vn (nay là buudien.vn), trong đó có hơn 200 sản phẩm OCOP.

6.7. Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Thực hiện Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh. Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (Trung tâm IOC - Intelligent Operation Center) luôn duy trì với 08 dịch vụ; số liệu lượt tải cài đặt Gia Lai Smartcity có tổng cộng hơn 12.000 lượt cài đặt.

6.8. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Với mục tiêu đưa dịch vụ công đến gần hơn với người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số toàn diện, đến nay, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã phối hợp với Ngân hàng BIDV Bình Định và Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bình Định, Agribank Chi nhánh Gia Lai triển khai mở rộng 91 mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến tại 36 điểm giao dịch của Ngân hàng BIDV Bình Định và 55 điểm giao dịch của Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bình Định, Agribank Chi nhánh Gia Lai để hỗ trợ công tác nộp hồ sơ đối với các Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

Tính đến ngày 14/9/2025, tỉnh Gia Lai đã cung cấp 823 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đạt tỷ lệ 88,6% tổng số dịch vụ công đủ điều kiện (số lượng còn lại hiện đang trong quá trình kiểm thử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia); số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 100% tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 93,2%, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (đối với DVCTT một phần) đạt 79,2%.

6.9. Kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Xác định đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong những yếu tố nền tảng, quyết định hiệu quả thực thi Nghị quyết số 57-NQ/TW, thời gian qua, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, huy động nguồn lực để đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng phục vụ. Một số kết quả nổi bật như sau:

- Một trong những mô hình tiêu biểu, mang tính đột phá trong đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ của tỉnh là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE). Đây là công trình khoa học mang tầm quốc tế, được hình thành trên cơ sở phối hợp giữa UBND tỉnh Bình Định (cũ) và Hội Gặp gỡ Việt Nam, đứng đầu là Giáo sư Trần Thanh

Vân, cùng sự đồng hành hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương. ICISE không chỉ là một trung tâm hội tụ trí tuệ, nơi tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực (vật lý, sinh học, trí tuệ nhân tạo...), mà còn là biểu tượng cho tầm nhìn chiến lược của tỉnh trong việc gắn kết khoa học với giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Cùng với đó, Trung tâm Khám phá Khoa học và Đổi mới sáng tạo (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ) - được đầu tư xây dựng tại Khu đô thị khoa học Quy Hòa cũng là một điểm nhấn quan trọng trong phát triển hạ tầng và hệ sinh thái khoa học, công nghệ tại tỉnh. Trung tâm có tổng diện tích hơn 4 ha, gồm các hạng mục chính như: khu triển lãm tương tác khoa học, nhà chiếu hình vũ trụ (planetarium), không gian trải nghiệm STEM, phòng học sáng tạo và các khu nghiên cứu, hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

- UBND tỉnh đã ban hành “*Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn – an ninh mạng*”⁴⁹ với nhiều cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực, thu hút các doanh nghiệp đầu tư. Tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ “*Đề án xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung*” với tổng diện tích 65 ha với hạ tầng đồng bộ, định hướng phát triển thành hạt nhân của hệ sinh thái công nghệ số, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Mục tiêu của tỉnh là xây dựng nơi đây trở thành Trung tâm thu hút các doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trung tâm nghiên cứu – phát triển (R&D), trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ cao,...

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”⁵⁰. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành về công nghệ thông tin trong các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn⁵¹.

- Hiện nay, tỉnh đang triển khai Đề án phát triển giáo dục STEM trên địa bàn giai đoạn 2025-2030 với mục tiêu đến năm 2030 sẽ tổ chức 01 Trung tâm STEM - Lab cấp tỉnh, 53 phòng STEM - Lab cấp THPT, 147 phòng STEM - Lab cấp THCS và 205 phòng STEM - Lab cấp tiểu học; đào tạo 100% giáo viên các môn học có liên quan đến dạy học STEM, đủ năng lực để triển khai giáo dục STEM trong nhà trường; 100% học sinh tại các trường phổ thông công lập toàn tỉnh được tăng cường giáo dục STEM nâng cao. Đồng thời, đang triển khai mô hình “Trường học thông minh” ở 07 cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Pleiku (trước đây) và thí điểm hệ thống E-learning tại Trường THPT chuyên Hùng Vương và mô hình “Trường học không tiền mặt” (theo Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”).

⁴⁹ Quyết định 717/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 phê duyệt Đề án Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn - an ninh mạng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025 - 2030.

⁵⁰ Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh.

⁵¹ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 04 trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin, mỗi năm đào tạo khoảng 800 sinh viên trình độ đại học, cao đẳng chuyên ngành công nghệ thông tin. Đại học FPT phân hiệu Bình Định với trọng tâm đào tạo về trí tuệ nhân tạo đã đi vào hoạt động sẽ góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông trên địa bàn tỉnh.

(Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tại Phụ lục II kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được

- Thực hiện chủ trương lớn của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, đến nay toàn bộ các đơn vị hành chính mới chính thức đi vào hoạt động, bộ máy tổ chức các xã, phường đã bước đầu vận hành ổn định, nền nếp; các thiết chế phục vụ nhân dân cơ bản được bố trí đầy đủ, hoạt động hiệu quả theo hướng “*gần dân hơn, sát dân hơn, phục vụ nhân dân tốt hơn*”, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính được triển khai quyết liệt trên tất cả 06 lĩnh vực, trong đó đã ưu tiên những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách như: cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; triển khai kịp thời các nhiệm vụ liên quan đến Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Đề án 06; triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với rà soát, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt đối với địa phương cấp xã, nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

- Cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số đã đạt được nhiều kết quả tích cực, có nhiều mô hình, sáng kiến giải pháp cải cách hành chính mới, hiệu quả như: “Mô hình Đại lý dịch vụ công trực tuyến tại các Ngân hàng”, Ứng dụng “Kiosk lấy số thứ tự và đánh giá hài lòng”, Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội 02 cấp, Ứng dụng “Thông tin cấp xã”.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Trong thời gian đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do khối lượng công việc lớn và có nhiều thay đổi khi thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Bên cạnh đó, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã còn thiếu, chất lượng chưa đồng đều, không đủ nhân lực có chuyên môn sâu trên các lĩnh vực như công nghệ thông tin, đất đai, tài chính, kế toán, xây dựng... nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt trong công tác giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp tại địa phương.

- Công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC còn gặp một số vướng mắc, bất cập liên quan đến việc kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống phần mềm chuyên ngành do Bộ, ngành Trung ương quản lý với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Hệ thống VNPT iGate). Về nội dung này, UBND tỉnh cũng đã có Công văn báo cáo cụ thể các vướng mắc, bất cập và kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ, xem xét xử lý tháo gỡ⁵².

⁵² Công văn số 1233/UBND-PVHCC ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về việc đề nghị các cơ quan: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) xem xét, xử lý tháo gỡ vướng mắc, bất cập

- Mặc dù tỉnh đã có nhiều nỗ lực và đạt được những kết quả bước đầu trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, song việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức: Nguồn nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp công nghệ số và đổi mới sáng tạo còn thiếu hụt; đội ngũ kỹ sư, chuyên gia công nghệ cao còn hạn chế về số lượng và chiều sâu chuyên môn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương. Công tác số hóa dữ liệu đất đai còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra của Trung ương.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu công tác cải cách hành chính; xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026 – 2030 với giải pháp cụ thể, thiết thực có sự đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu theo tinh thần chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025; các Đề án trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tổng kết Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-TTg ngày 12/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết về biên chế công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2026; cho chủ trương xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

4. Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Gia Lai. Tiếp tục bổ sung hồ sơ, cập nhật thông tin đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm Cơ sở dữ liệu về cán bộ.

5. Tiếp tục tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, các quy định về văn hóa, đạo đức công vụ; trách nhiệm trong xử lý công việc, tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao tinh thần trách nhiệm, có thái độ phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp.

6. Trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành chính sách thu phí “0 đồng” đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 14/3/2025

7. Tập trung triển khai các nhiệm vụ thực hiện mô hình điểm thúc đẩy triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, Đề án 06 và Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức viên chức.

UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo và PT, TH Gia Lai;
- CVP, PVPVX;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	
1	Xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã dự thảo Kế hoạch, dự kiến sẽ triển khai đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã vào Quý IV/2025.
2	Sửa đổi Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Đang dự thảo, lấy ý kiến các sở, ngành
3	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025	Đã hoàn thiện dự thảo Kế hoạch, Văn phòng UBND tỉnh đang thực hiện thủ tục bổ sung kinh phí khảo sát do số lượng phiếu tăng lên sau khi sáp nhập đơn vị hành chính
4	Triển khai Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	Đã làm việc với đơn vị tư vấn xây dựng Hệ thống. Hiện nay, Văn phòng UBND tỉnh vẫn đang tiếp tục làm việc với đơn vị tư vấn để bổ sung chức năng cho Hệ thống để phục vụ công tác theo dõi, chấm điểm chỉ số CCHC của các cơ quan, địa phương
5	Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2025-2030	-
6	Kế hoạch cải thiện nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Quản trị và Hành chính công (PAPI) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025	Đã ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	
7	Triển khai nhiệm vụ theo Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW	UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai: Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 29/8/2025 truyền thông về Cổng Pháp luật quốc gia; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/8/2025 triển khai thi hành Luật Ban hành VBQPPL; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 23/7/2025 truyền thông, phổ biến các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm
		qua tại Kỳ họp thứ 9; Công văn số 2588/UBND-NC ngày 26/8/2025 thực hiện quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ “Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật” tại Nghị quyết số 66-NQ/TW.
8	Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương	VBQPPL được xây dựng bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục ban hành VBQPPL theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật; VBQPPL ban hành đúng thẩm quyền; nội dung văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
9	Triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	- Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác theo dõi tình hình thi hành VBQPPL tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh Bình Định, Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai. Trong đó, triển khai hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thủy sản và lĩnh vực tài nguyên và môi trường năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - Sở Tư pháp đã triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; đồng thời, chỉ đạo thực hiện tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị xử lý VBQPPL theo quy định. Đến thời điểm báo cáo, đã tiếp nhận 10 phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống và 10/10 kiến nghị đã được các sở, ban, ngành của tỉnh hoàn thành việc xử lý đúng hạn theo quy định.
10	Kịp thời công khai các chính sách, quy định pháp luật của tỉnh trên các trang thông tin điện tử, đa dạng kênh thông tin, hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tăng cường vai trò của người dân, doanh	Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 495/STP-NV2 ngày 15/8/2025 giới thiệu Trang thông tin điện tử và các kênh thông tin chính thức về Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đồng thời, thực hiện công khai các chính sách, quy định pháp luật của tỉnh trên trang

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm
	ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật	thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Gia Lai, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo đúng quy định.
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
11	Triển khai mô hình “Ưu tiên phục vụ tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đối với các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh”.	Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 458/KH-VPUBND ngày 16/9/2025 tổ chức thực hiện Mô hình “Quầy ưu tiên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh”
12	Ban hành Bộ quy tắc ứng xử của người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	Đã ban hành Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 13/9/2025 về Quy tắc ứng xử của người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai
13	Rà soát, công bố lại TTHC nội bộ phù hợp với tỉnh Gia Lai (mới), thực hiện phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026	Đã ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế
14	Nghiên cứu, đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027” trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã có Tờ trình xin chủ trương tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027” trên địa bàn tỉnh Gia Lai mới sau khi sáp nhập 02 tỉnh Bình Định và Gia Lai (cũ)
15	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành “Hệ thống quản lý dữ liệu thủ tục hành chính”	-
16	Sửa đổi Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh đã trình UBND tỉnh phê duyệt Quy trình thực hiện liên thông các thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai – Thuế trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Tờ trình số 319/TTr-VPUBND ngày 22/8/2025
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm
17	Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã	- Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 05/09 ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh; 248/252 ĐVSNCL thuộc sở và tương đương.. - Ban hành Công văn số 897/UBND-NC ngày 24/7/2025 và Công văn số 2995/UBND-NC ngày 05/9/2025 về việc thành lập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã
18	Hướng dẫn, triển khai xây dựng vị trí việc làm công chức cấp xã, phường theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương.	UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ triển khai hướng dẫn tạm thời Danh mục vị trí việc làm và định hướng bố trí nhân lực cấp xã. Sở Nội vụ đã ban hành Công văn hướng dẫn số 416/SNV-TCBC ngày 24/7/2025.
19	Đánh giá, xếp loại cơ quan hành chính	-
20	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa tỉnh và xã; đồng thời thực hiện phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC	Đã thực hiện ủy quyền giải quyết 69 TTHC trên các lĩnh vực: Tài nguyên nước, Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Chăn nuôi, Thú y, Văn hóa, Nghệ thuật biểu diễn, Điện... thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cho Giám đốc các sở, ngành.
21	Sắp xếp các tổ chức, phối hợp liên ngành, các hội quần chúng của tỉnh	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 phê duyệt Phương án sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC	
22	Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	-
23	Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 gắn với triển khai thực hiện công cụ “Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức” trong thực thi công vụ, nhất là đối với cán bộ, công chức cấp xã	Đã tổ chức bồi dưỡng cho 6.984 CBCCVC tỉnh Bình Định (cũ). Hiện nay, Sở Nội vụ và Sở Khoa học và Công nghệ đang tổng hợp, đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức khóa bồi dưỡng tại tỉnh theo Quyết định số 1143/QĐ-BKHCN ngày 04/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2025 trong tháng 9/2025. Sau khi tham gia các khóa bồi dưỡng do Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai, tỉnh sẽ rà soát, tổ chức các khóa bồi dưỡng của tỉnh để nâng cao kỹ năng số cho

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm
		CBCCVVC của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, tránh trùng lặp nội dung, đối tượng bồi dưỡng.
24	Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Đang triển khai
25	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố; mức hỗ trợ, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh	Đang triển khai
26	Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức	Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025; theo đó đợt 1, Đoàn kiểm tra đã kiểm tra tại 08 xã, phường trên địa bàn tỉnh.
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	
27	Xây dựng phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới) năm 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 1181/STC-TCHCSN ngày 08/8/2025 hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó đã đề nghị các ĐVSNCCL xây dựng phương án tự chủ, gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án và phân loại mức độ tự chủ trước thời gian lập dự toán, làm cơ sở để bố trí dự toán ngân sách năm 2026 theo quy định.
28	Ban hành chính sách thu phí “0 đồng” đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2025.	Ngày 22/7/2025, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND về Quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, đã áp dụng miễn thu phí, lệ phí (<i>trên địa bàn tỉnh Bình Định</i>) khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thực hiện đối với TTHC: đăng ký kinh

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm
		doanh; cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất (đối với cá nhân, hộ gia đình ở khu vực khác ngoài các phường thuộc thành phố và thị xã).
29	Rà soát, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá các dịch vụ sự nghiệp công theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương	Đang triển khai
VII	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	
30	Triển khai nền tảng “Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh” (Kho dữ liệu số thông minh) theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	Đang triển khai
31	Triển khai hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội 2 cấp	UBND tỉnh đã có Công văn số 2920/UBND-KGVX ngày 04/9/2025 thống nhất thực hiện nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội 02 cấp”.
32	Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 01/6/2025	Đang triển khai
33	Xây dựng Kho lưu trữ số của tỉnh	Đang triển khai
34	Tiếp tục thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp	Đã hoàn thành việc số hóa tài liệu lưu trữ theo Kế hoạch đối với tỉnh Bình Định (cũ). Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 824/KH-SNV ngày 08/8/2025 về khảo sát, hướng dẫn công tác số hóa tài liệu lưu trữ của các xã, phường thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai trước đây. Các xã, phường đang tiếp tục thực hiện số hóa. Đến ngày 15/9/2025, đã có 45/77 xã, phường thực hiện công tác số hóa tài liệu, theo đó, đã Scan được 1.396.871 trang văn bản (đạt tỷ lệ 42% so với tổng số văn bản dự kiến cần được số hóa).



Phụ lục II
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: _____/BC-UBND ngày _____ / _____ / 2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	75	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	56%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	34 nhiệm vụ	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	19 nhiệm vụ	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100%	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	2	(1) Vấn đề v/v ủy quyền thực hiện TTHC chứng thực; (2) Công tác phối hợp giữa UBND cấp xã và chi nhánh Văn phòng ĐKDD trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC về đất đai

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	2	UBND tỉnh đã tổ chức họp chỉ đạo ngày 25/8/2025 (Thông báo số 189/TB-UBND ngày 29/8/2025 thông báo ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại cuộc họp nghe báo cáo công tác cải cách TTHC), cụ thể: (1) Về chứng thực: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thống nhất chủ trương ban hành Nghị quyết ủy quyền thực hiện chứng thực cho Phó Giám đốc TT PVHCC cấp xã. (2) Các ngành liên quan (Sở NNMT, Văn phòng UBND tỉnh, Thuế tỉnh và 04 địa phương cấp xã được kiểm tra) đã họp bàn giải quyết các vấn đề.
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	13	Số liệu thống kê từ Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ từ ngày 01/7/2025 đến ngày 16/9/2025.
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	11	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Hội nghị gặp mặt, đối thoại giữa Lãnh đạo tỉnh Gia Lai với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vào ngày 29/7/2025 theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh



10
Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	58	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	21	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	37	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	37	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	Không phát sinh văn bản cần xử lý
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	1.380	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	46	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	46	

Đu

11
Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	11	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	777	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	308	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2188	Trong tổng số 2188 TTHC, có 85 TTHC được thực hiện ở cả 02 cấp
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1859</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>414</i>	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	79	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	2144	Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu triển khai thực hiện Phi địa giới hành chính với 2144 TTHC bằng hình thức nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích
3.	Kết quả giải quyết TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	64244	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	61670	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	197815	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	193772	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	80	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	751	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	602	



13
Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	29	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	-	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	9	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	252	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8.482	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6.087	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	53.209	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	51.108	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	8	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	18%	

Đu

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	



Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	47,5	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	18.205.103	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	8.647.106	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1447	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	12	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	53	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	187	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1195	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1	



Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	- Tỉnh Bình Định đã cập nhật phiên bản 4.0 tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 4/6/2025; - Đang tiến hành chỉnh sửa, cập nhật cho tỉnh Gia Lai mới
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
3.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
3.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
3.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
3.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.1.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	88,6%	
4.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	929	
4.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	823	
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình+ một phần)	%	100	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả hai hình thức)	Thủ tục	512	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	512	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	93.2	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ trực tuyến +trực tiếp)	Hồ sơ	49792	
4.3.2	Số Hồ sơ nộp trực tuyến của DVCTT toàn trình	Hồ sơ	46409	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	79.2	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	231778	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	183701	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	2188	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	2188	

